

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ
HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/DS - ST
Ngày: 21 - 6 - 2019
“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Tạ Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2018/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1956; có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Số 1, ngõ 3 Cống Giếng, phường B, quận TH, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thôn Nguyên Xá, phường M, quận B1, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số 1, tổ dân phố 3, thôn Văn Trì, phường M, quận B1, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Cụm 1, thôn Kh, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Cụm 1, thôn Kh, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Th trình bày: Bà là em gái cùng mẹ khác cha với bà Nguyễn Thị H. Bà không quen biết gì với bà Nguyễn Thị L. Khoảng tháng 7/2018, bà H có nói chuyện với bà là có người bạn cùng đi chợ tên là L cần vay tiền để lo cho con trai đi lao động ở Nhật Bản. Bà H hỏi bà có tiền thì cho bà L vay, khi nào cần thì báo trước 15 ngày là bà L sẽ trả ngay. Vì tin tưởng lời nói của bà H và nghĩ con bà L đi nước ngoài thì chắc chắn sẽ có khả năng trả được tiền nên bà đồng ý cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng. Bà không trực tiếp gặp bà L để đưa tiền mà nhờ bà H đưa tiền cho bà L. Sau đó, bà H có đưa lại cho bà một giấy vay tiền do bà L viết ngày 08/7/2018. Đến tháng 10/2018, gia đình bà có việc cần đến tiền, bà đã nhờ bà H nhắc bà L đến ngày 13/10/2018 phải trả tiền nhưng bà L không trả. Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng. Do sức khỏe không tốt, đi lại không thuận tiện nên bà ủy quyền cho bà H giải quyết vụ việc với bà L tại Tòa án. Mọi quyết định của bà H liên quan đến số tiền 50.000.000 đồng mà bà L vay, bà đều nhất trí.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà không quen biết gì với bà Đỗ Thị Th, mà có quen biết bà Nguyễn Thị H do cùng đi buôn bán ở chợ. Khoảng tháng 5/2018, bà chuẩn bị cho con trai đi lao động ở nước ngoài nên đã hỏi vay tiền của bà H và được bà H cho vay một số tiền là 180.000.000 đồng. Bà H có nói 130.000.000 đồng là tiền của bà H, còn 50.000.000 đồng là tiền của bà Th, em gái của bà H cho vay. Vì vậy, bà đã viết một giấy vay tiền có nội dung vay của bà Th 50.000.000 đồng và một giấy vay tiền nội dung vay của bà H 130.000.000 đồng. Khi bà vay tiền của bà Th và bà H, cũng như sau khi vay được tiền bà không bàn bạc gì với chồng là ông Nguyễn Hữu T. Sau đó, do con bà không đi nước ngoài nữa nên bà đã sử dụng số tiền vay vào làm ăn riêng. Do đó, khi Tòa án thông báo cho ông T biết việc bà Th khởi kiện và yêu cầu ông T đến Tòa án để giải quyết việc vay nợ của bà thì ông T không đến.

Khi viết giấy vay tiền, bà có cam kết là khi nào bà Th cần tiền thì báo trước 15 ngày để bà có thời gian thu xếp tiền trả. Trong giấy vay tiền không ghi mức lãi suất nhưng trên thực tế bà có trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền lãi, bao gồm tiền lãi của số tiền 130.000.000 đồng vay của bà H và 50.000.000 đồng vay của bà Th.

Do việc làm ăn riêng bị thua lỗ nên bà không trả được tiền cho bà H và bà Th. Nay bà Th khởi kiện đòi số tiền 50.000.000 đồng, bà cam kết sẽ có trách nhiệm trả và xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng vài triệu đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền lãi đã trả, bà không yêu cầu Tòa án tính toán lại.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ là ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án thông báo cho biết nội dung khởi kiện của bà Th và triệu tập nhiều lần nhưng ông T đều không đến Tòa án. Tòa án đã trực tiếp về địa phương tiến hành các thủ tục tố tụng, thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền, cũng như bà Đỗ Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Th số tiền

50.000.000 đồng đã vay và yêu cầu tính lãi suất 0.75%/tháng, tính từ tháng 11/2018 đến nay. Ngoài ra, phía nguyên đơn cũng yêu cầu ông Nguyễn Hữu T (là chồng bà L) cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền bà L vay.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Th số tiền 50.000.000 đồng. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa bà Đỗ Thị Th và bà Nguyễn Thị L xác lập Hợp đồng vay tài sản (vay tiền), do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả số tiền đã vay. Bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là phù hợp với các quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xác định người tham gia tố tụng: Tuy bà Đỗ Thị Th không trực tiếp thỏa thuận và không trực tiếp đưa tiền cho bà Nguyễn Thị L nhưng cả bà Th và bà Nguyễn Thị H (là người trực tiếp đưa tiền cho bà L vay) đều khẳng định số tiền 50.000.000 đồng mà bà H đưa cho bà L vay là tiền của bà Th, bà H chỉ là người thay bà Th đưa tiền cho bà L vay. Bản thân bà L cũng thừa nhận đã viết Giấy vay tiền với nội dung là vay tiền của bà Th. Do đó, bà Th là người có quyền, lợi ích trực tiếp bị xâm phạm và có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên được xác định là nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị L là người bị khởi kiện nên xác định là bị đơn trong vụ án. Bà Th và người đại diện theo ủy quyền cho mình là bà H đều có yêu cầu ông Nguyễn Hữu T (là chồng của bà L) cùng phải có trách nhiệm trả nợ số tiền vay của bà Th, vì vậy Tòa án xác định ông Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do chính đáng, vậy căn cứ qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành việc xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và luật áp dụng: Căn cứ Giấy vay tiền hai bên thỏa thuận thì thời hạn trả nợ được tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bên cho vay báo cho bên vay biết. Ngày 13/10/2018, bà Th thông báo cho bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L không thực hiện, do đó xác định ngày 13/10/2018 là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th bị xâm phạm. Ngày 08/12/2018, bà Th gửi đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh tại thời điểm Bộ luật dân sự 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có hiệu lực, vì vậy Tòa án căn cứ quy định của các Bộ luật này để xem xét giải quyết các yêu cầu của đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy tại Giấy vay tiền ngày 08/7/2018 do nguyên đơn xuất trình với Tòa án thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị L vay của bà Đỗ Thị Th số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định, bên vay phải trả tiền cho bên cho vay trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bên cho vay có yêu cầu. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị L không hợp tác, Vì vậy, để việc giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, Tòa án đã trưng cầu giám định của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an đối với chữ viết, chữ ký được cho là của bà Nguyễn Thị L tại Giấy vay tiền ngày 08/7/2018 so sánh với chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị L tại các tài liệu do Tòa án thu thập trong quá trình điều tra.

Ngày 10/5/2019, bà Nguyễn Thị L đến Tòa án và tự khai về việc vay nợ tiền của bà Th. Sau đó, Tòa án đã tổ chức hòa giải và triệu tập phiên tòa thì bà L đều vắng mặt.

Tại Kết luận giám định số 44/C09-P5 ngày 09/5/2019 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an đã kết luận: “Chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Thị L trong Giấy vay tiền 08/7/2018, so với chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra”. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị L có vay của bà Đỗ Thị Th số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 08/7/2018. Do đó, bà Đỗ Thị Th khởi kiện về việc đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng đối với bà Nguyễn Thị L là có căn cứ và được chấp nhận.

Về việc bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền và bà Đỗ Thị Th yêu cầu ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm trả nợ cùng số tiền vay với bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy bà L khai mục đích ban đầu vay bà Th số tiền 50.000.000 đồng để lo chi phí cho con trai đi lao động ở nước ngoài, nhưng sau đó bà L lại khai do con trai bà L không đi nước ngoài như dự định nên bà L đã sử dụng số tiền này vào việc làm ăn riêng của mình, chồng bà là ông T không biết gì về việc bà vay tiền của bà Th. Khi hai bên giao dịch vay nợ thì ông T không tham gia, cũng không có ai giao dịch trực tiếp với ông T; phía nguyên đơn cũng không đưa ra được các căn cứ gì để chứng minh về việc ông T cùng được sử dụng số tiền vay hoặc sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng bà L, ông T. Do đó, không có căn cứ để

buộc ông T phải cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền 50.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị Th.

[5] Về lãi suất: Mặc dù bà Nguyễn Thị L khai đã trả cho bà Nguyễn Thị H 20.000.000 đồng tiền lãi của 180.000.000 đồng, trong đó có tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng vay của bà Th nhưng bà H không thừa nhận việc hai bên thỏa thuận lãi suất, ngoài ra bà L không xuất trình được tài liệu nào thể hiện việc bà đã trả tiền lãi nên không có căn cứ để xem xét. Theo hợp đồng vay giữa bà Th và bà L thì nội dung không thể hiện vay có lãi, tuy nhiên hai bên thỏa thuận khi bà Th cần lấy tiền sẽ thông báo trước cho bà L 15 ngày thì bà L trả tiền, đến ngày 13/10/2018 bà Th đã báo cho bà L nhưng sau đó bà L không trả được tiền cho bà Th như đã cam kết. Vì vậy, tại phiên tòa phía bà Th yêu cầu tính lãi số tiền vay là 0.75%/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Số tiền lãi cụ thể là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 2.887.500 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện bà Đỗ Thị Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán trả bà Đỗ Thị Th.

[7] Về lệ phí giám định: Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền và bà Đỗ Thị Th đều không yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải chịu, mà phía nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này nên không phải xem xét.

[8] các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi nợ của bà Đỗ Thị Th đối với bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả bà Đỗ Thị Th số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 2.887.500 đồng. Tổng cộng: 52.887.500 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi chậm trả trên số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.644.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Th số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (bà Nguyễn Thị H nộp thay) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010240 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

